TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 22/4/2022.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng.

2. Bà Pang Ting Suyl.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Trọng Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T2 , sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn P xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H2 , sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn TL, xã TV ; thôn P xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Tường có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Chị và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến đầu tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với

nhau về quan điểm sống, cách sống. Không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, bên cạnh đó anh H thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lê Anh Dũng, sinh ngày 13/12/2004 và cháu Lê Bảo Chí, sinh ngày 20/12/2010. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung vào không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Lê Văn H2 nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Tường. Xử cho chị Nguyễn Thị T2 và anh Lê Văn H2 được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Anh Dũng, sinh ngày 13/12/2004 và cháu Lê Bảo Chí, sinh ngày 20/12/2010 cho Tường có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Tường xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tường xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà, bị đơn anh Lê Văn H2 vắng mặt lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh H theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tường và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 11/6/2004 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Tường xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị Tường giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H. Chị Tường cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, cách sống. Không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, bên cạnh đó anh H thường xuyên uống rượu không tu chí làm ăn. Mặc dù anh chị đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng có thể hàn gắn lại tình cảm, tìm lại tiếng nói chung nhưng không được. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Tường. Bên cạnh đó vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu nhưng trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng anh chị cũng không cải thiện được.

Đồng thời qua xác minh tại chính quyền địa phương thì trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Khi vợ chồng anh chị mâu thuẫn chính quyền địa phương cũng đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tường, xử cho chị Tường và anh H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Tường xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lê Anh Dũng, sinh ngày 13/12/2004 và cháu Lê Bảo Chí, sinh ngày 20/12/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay các con chung đều do chị Tường trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Bên cạnh đó hiện nay các cháu đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với chị Tường. Do đó, để ổn định về tâm sinh lý của trẻ cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Lê Anh Dũng, sinh ngày 13/12/2004 và cháu Lê Bảo Chí, sinh ngày 20/12/2010 cho chị Tường có trách nhiệm trực tiếp chăm nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tường không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Tường xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T2 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị T2 , xử cho chị Nguyễn Thị T2 và anh Lê Văn H2 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Anh Dũng, sinh ngày 13/12/2004 và cháu Lê Bảo Chí, sinh ngày 20/12/2010 cho chị Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Lê Văn H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T2 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tường đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002808 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Tường đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2022) nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Dũng